TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 93/2017/DS-ST
Ngày 08 tháng 12 năm 2017
V/v " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Phạm Khắc Tường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

2. Ông **Nguyễn Văn Sanh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H - đường T, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2017/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **M** - sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: đường Q, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng.

* Bị đơn: Bà **T** - sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: đường V, phường B, quận H, TP. Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 05 tháng 4 năm 2017, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn M trình bày:*

Xuất phát từ sự quen biết nhau, bà T có vay của bà M tổng số tiền, vàng là 445.000.000đ, 02 chỉ vàng hiệu SJC 99,99 và 02 chỉ vàng 98. Ngày 01 tháng 10 năm 2015, giữa hai bên lập thành hai văn bản, chữ viết trong văn bản nhận nợ là của bà M. Trong đó có một văn bản ghi nội dung bà T vay của bà M số tiền 230.000.000đ và một văn bản ghi nội dung bà T vay của bà M số tiền 200.000.000đ và 04 chỉ vàng. Ngoài ra, bà M còn cho bà T vay 15.000.000đ nhưng vì thân thiết nên không lập văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng.

Mặt dù đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà T vẫn không trả nợ nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng buộc bà T phải trả cho bà tổng số tiền và vàng là 445.000.000đ, 02 chỉ vàng hiệu SJC 99,99 02 chỉ vàng 98 và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

** Trong biên bản đối chất ngày 19 tháng 7 năm 2017, bị đơn bà T trình bày:*

Bà T thừa nhận có quan hệ vay mượn tài sản với bà M nhưng bà chỉ mượn bà M số tiền 45.000.000 đồng và 04 chỉ vàng, trong đó có 02 chỉ vàng SJC 99,99 và 02 chỉ vàng 98. Số tiền, vàng này bà vay trước năm 2015. Khi cho bà T vay, bà M lấy tiền lãi cao. Ban đầu bà M tính tiền lãi theo lãi suất 80%/tháng. Sau đó, bà M giảm tiền lãi còn lãi suất 60%/tháng. Bà T xác nhận trong Giấy mượn tiền, người tên "Phan Thị Thanh T", địa chỉ đường V, quận H, thành phố Đà Nẵng là chính bà; Chữ ký trong giấy mượn tiền lập ngày 10 tháng 01 năm 2015 đúng là chữ ký của bà.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, căn cứ vào nội dung vụ án cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy yêu cầu của bà M về việc buộc bà T phải trả số tiền 245.000.000đ là không đủ căn cứ chứng minh cũng như việc lời khai của bà M có nhiều mâu thuẫn nên không có cơ sở để chấp nhận; Xét yêu cầu của bà M về việc buộc bà T phải trả số tiền 200.000.000đ, 02 chỉ vàng hiệu JSC 99,99 và 02 chỉ vàng 98, căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa bà M và bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng theo quy định khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 401, 405, 471 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[2] Xét yêu cầu của bà M về việc buộc bà T phải trả 02 chỉ vàng hiệu SJC 99, 99 và 02 chỉ vàng 98, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng bà T thừa nhận mình có vay số vàng này và đồng ý trả nên cần chấp nhận yêu cầu này của bà M.

[3] Xét yêu cầu của bà M về việc buộc bà T phải trả 445.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà M cho rằng mình giao tiền và vàng cho bà T trước, thời gian sau mới yêu cầu bà T viết giấy nhận nợ. Tuy nhiên bà T chỉ ký xác nhận trong một tờ giấy nhận nợ còn một tờ không ký. Tại phiên tòa, bà M khẳng định trong ngày 10 tháng 01 năm 2015 bà giao tiền vay cho bà T hai lần, lần đầu giao số tiền 230.000.000đ nhưng bà T không chịu ký giấy mượn tiền và lần sau bà cho bà T vay 200.000.000đ, 02 chỉ vàng hiệu SJC 99,99 và 02 chỉ vàng 98 và bà T có ký giấy mượn tiền. Ngoài ra, bà M khẳng định số tiền 15.000.000đ bà cho bà T vay sau ngày 10 tháng 01 năm 2015 nhưng không có lập văn bản. Xét thấy lời khai của bà M là trước sau bất

nhất. Bà khẳng định số tiền 430.000.000đ bà giao và lập giấy mượn tiền trong ngày 01 tháng 1 năm 2015, số tiền 15.000.000đ mượn sau ngày 10 tháng 01 năm 2015. Tuy nhiên tại văn bản ghi nhận nội dung vay 200.000.000đ, 02 chỉ vàng hiệu SJC 99,99 và 02 chỉ vàng 98 thì có nội dung tổng hợp số tiền bà T đã mượn của bà M là 445.000.000đ. Đây là điều không lô-gic về mặt thời gian. Ngoài ra bà M xác định rằng trong ngày 10 tháng 01 năm 2015, bà giao cho bà T 230.000.000đ nhưng bà T không chịu ký giấy mượn tiền, sau đó bà tiếp tục giao thêm 200.000.000đ và bà T có ký giấy mượn số tiền này. Điều này là không phù hợp với trật tự chuyển giao tài sản vay mượn bởi lẽ số giao trước bên vay đã từ chối xác nhận nhưng bên cho vay vẫn tiếp tục lần cho vay thứ hai. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận nội dung "*tổng số tiền của T là bốn trăm bốn lăm triệu đồng"* ghi nhận trong giấy mượn tiền này, mà chỉ chấp nhận yêu cầu buộc bà T phải tiền của bà M đối với số tiền 200.000.000đ.

[4] Đối với khoản nợ 230.000.000đ mà bà M yêu cầu bà T trả, chứng cứ mà bà M dùng để chứng minh cho yêu cầu của mình là giấy mượn tiền không có chữ ký của bà T nên không có giá trị chứng minh. Đồng thời bà T cũng không thừa nhận mình có nợ số tiền này nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà M.

[5] Đối với khoản nợ 15.000.000đ mà bà M yêu cầu bà T trả, bà M không cung cấp được bất kỳ chứng cú nào chứng minh cho yêu cầu này. Đồng thời bà T cũng không thừa nhận mình có nợ số tiền này nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà M.

Do nguyên đơn không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Đối với ý kiến của bị đơn về việc bà chỉ mượn bà M số tiền 45.000.000đ và 04 chỉ vàng, trong đó có 02 chỉ vàng SJC 99,99 và 02 chỉ vàng 98. Số tiền, vàng này bà vay trước năm 2015. Chứng cứ mà bị đơn xuất trình là văn bản lập ngày 25 tháng 10 năm 2014. Tuy nhiên bị đơn lại không xuất trình được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh rằng các giao dịch vào ngày 10 tháng 01 năm 2015 là sự kế thừa của giao dịch ngày 25 tháng 10 năm 2014 đồng thời bà M cũng không thừa nhận có sự liên quan giữa hai thời điểm giao dịch này nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[7] Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 200.000.000đ, 02 chỉ vàng hiệu SJC 9999 và 02 chỉ vàng 98 nên án phí dân sự sơ thẩm là [200.000.000đ + (3.618.000đ x2) + (3.365.000đ x 2)] x 5% = 10.698.300đ bị đơn phải chịu.

[8] Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 245.000.000đ nên án phí dân sự sơ thẩm là 12.250.000đ nguyên đơn phải chịu.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 401, 405, 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng các Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà M đối với bà T.

Tuyên xử: Buộc bà T phải trả cho bà M số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), 02 chỉ vàng hiệu SJC 99,99 và 02 chỉ vàng 98.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà M có đơn yêu cầu thi hành án mà T không trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà M về việc buộc bà T trả số tiền 245.000.000đ (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà T phải chịu là 10.698.300đ (Mười triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn ba trăm đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm bà M phải chịu là 12.250.000đ (Mười hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Nhưng được trừ vào 17.900.600đ (Mười bảy triệu chín trăm ngàn sáu trăm đồng) tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số 5982 ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho bà M số tiền 5.650.600đ (Năm triệu sáu trăm năm mươi ngàn sáu trăm đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Khắc Tường

Nơi nhận:
- *TANDTP Đà Nẵng*
- *VKSNDQ. H*
- *CCTHADSQ H*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Thanh Trà **Nguyễn Văn Sanh** **Phạm Khắc Tường**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Thanh Trà **Nguyễn Văn Sanh** **Phạm Khắc Tường**